

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**
Bản án số: 224/2020/HSST
Ngày: 12-8-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Vân

Bà Nguyễn Thị Loan

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 214/2020/HSST, ngày 10 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Văn Đ, sinh năm 1993.

HKTT và Nơi ở hiện nay: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn M, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1967; Có vợ là Đặng Thị M; có 01 con sinh năm 2017; Tiền án; Ngày 23/12/2011 bị Tòa án nhân dân quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chưa chấp hành phần dân sự và án phí.

Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25/6/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An xử phạt 27 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị bắt tạm giam từ ngày 29/4/2020; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

Người bị hại: Anh Lê Đức V, sinh năm 1985 .

Anh Tạ Đức H, sinh năm 1998.

Cùng trú tại: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

(Có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn Đ và anh Lê Đức V cùng làm việc với nhau tại nhà hàng H ở thôn 1, xã L, thành phố H. Khoảng 14h ngày 26/3/2020, Lê Văn Đ mượn của anh V 01 chiếc điện thoại Iphone 7plus để chơi điện tử. Anh V đồng ý và đưa điện thoại cho Đ. Được một lúc, anh V yêu cầu Đ trả điện thoại nhưng Đ nói cho mượn chơi nốt ván. Anh V bảo Đ “khi nào chơi xong thì sạc pin điện thoại cho anh” rồi V đi ngủ.

Đàn chơi điện tử xong thì nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại này của anh V nên đã cầm chiếc điện thoại về nhà, tháo sim, tắt nguồn điện thoại. Anh V ngủ dậy không thấy Đ và chiếc điện thoại đâu nên đã nhờ chị Trịnh Thị H là người làm cùng nhà hàng điện thoại cho Đ. Đàn nghe máy và thừa nhận đang cầm điện thoại của anh V, hẹn đến tối sẽ trả lại. Nhưng sau đó Đ đã mang chiếc điện thoại đến cửa hàng điện thoại H ở xã Q, thành phố H bán cho anh H lấy 4.000.000đ. Toàn bộ số tiền bán điện thoại được, Đ đã chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 16/4/2020, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh Tạ Đức H, là người cùng làm tại nhà hàng H. Khoảng 13h30 phút cùng ngày, Đ gọi điện thoại cho anh H nói xuống nhà anh S là chủ nhà hàng để lấy lương và hẹn gặp nhau ở vòng xuyến BigC. Đến 14h, anh H đi đến chỗ hẹn gặp Đ, Đ nói với anh H là máy điện thoại của Đ bị hết pin nên mượn điện thoại của anh H để gọi điện và đi đón anh Lê Đức V đi cùng để lấy lương. Anh H tin tưởng Đ nói thật nên đồng ý và giao chiếc điện thoại Samsung S8 cho Đ. Đ cầm điện thoại của anh H và đi thẳng về nhà, đến chiều ngày 18/4/2020 thì mang đến cửa hàng điện thoại H bán cho anh H lấy 1.500.000đ. Số tiền này Đ đã chi tiêu cá nhân hết.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ vật chứng, tuy nhiên anh Nguyễn Văn H sau khi mua hai chiếc điện thoại của Đ thì đã bán cho khách qua đường nên không thu hồi được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 95 và 96 ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Thanh Hóa đã kết luận:

Chiếc điện thoại Iphone 7plus có giá trị 5.670.000đ; Chiếc điện thoại Samsung S8 có giá trị 4.950.000đ.

Lê Văn Đ đã bồi thường cho anh V và anh H giá trị điện thoại nên anh V và anh H không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Đối với anh Nguyễn Văn H là người mua 02 chiếc điện thoại của Đ, do khi mua anh H không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với chiếc sim điện thoại của anh Vương, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh V, còn 01 sim không thể hiện chủ thuê bao nên đã chuyển cho chi cục thi hành án chờ xử lý.

Quá trình điều tra, Lê Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại cáo trạng số 204/CT-VKS, ngày 09/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố Lê Văn Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm a khoản 1 Điều 175; Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn Đ mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 09 tháng đến 12 tháng tù đối với tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin được hưởng sự khoan hồng với mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn Đ thừa nhận: Ngày 26/3/2020, tại nhà hàng H, ở địa chỉ thôn 1, xã L, thành phố H, Lê Văn Đ đã mượn chiếc điện thoại Iphone 7pus của anh Lê Đức V trị giá 5.670.000đ để chơi điện tử. Anh V đồng ý cho Đ mượn nhưng sau khi chơi điện tử, Đ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã mang chiếc điện thoại trên đi bán lấy 4.000.000đ tiêu sài cá nhân.

Đến ngày 16/4/2020, Lê Văn Đ đã dùng thủ đoạn gian dối đối với anh Tạ Đức H để mượn chiếc điện thoại Sam sung S8 trị giá 4.950.000đ, sau đó Đ đem đi bán lấy 1.500.000đ để tiêu sài cá nhân.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Lê Văn Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo là người có sức khỏe, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, không chịu làm ăn chân chính, lợi dụng mối quan hệ bạn bè, sự tin tưởng và dùng thủ đoạn gian dối, tạo lòng tin nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo không

chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử nhiều lần về tội xâm phạm sở hữu của người khác nhưng vẫn tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo cũng như giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này là tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, sau khi bị truy tố bị cáo đã bồi thường cho bị hại để khắc phục hậu quả; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Với tính chất vụ án nghiêm trọng, với nhân thân của bị cáo, xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về phần dân sự: Bị hại đã được bồi thường giá trị tài sản, không có đề nghị gì về phần bồi thường dân sự cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với sim điện thoại không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 174; điểm a khoản 1 Điều 175; Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” .

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Đ 12 (Mười hai) tháng tù đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 12 (Mười hai) tháng tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” .

Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/4/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu huỷ 01 sim điện thoại có số seri trên sim: 89840448008818887762.

Hiện số tang vật và tài sản đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 179/THA ngày 14/7/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa với Công an thành phố Thanh Hóa.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14. Bị cáo Lê Văn Đ phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm .

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Cục THA TP H;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trương Thị Anh